

UBND XÃ QUÊ SƠN TRUNG
TRƯỜNG THCS QUÊ THUẬN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2025 – 2026
Môn Toán Lớp 6 Thời gian 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT (1)	Chương / Chủ đề (2)	Nội dung/ đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4 -11)						Tổng % điểm (12)
			NB		TH		VD		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phân số	Nội dung 1: Phân số, tính chất cơ bản của phân số, so sánh phân số. Hỗn số.	c 1,2,3 (0,75đ)						5,0đ 50%
		Nội dung 2: Các phép tính về phân số. Hai bài toán về phân số.	(c4,5,6,) (0,75đ)	1a (0,5đ)		1b (0,75đ)		1c; 3a, 5 (2,25đ)	
2	Số thập phân	Nội dung: Số thập phân, làm tròn số, so sánh số thập phân. Các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	c7,8,9 (0,75đ)			2a,2b ₂ (1,25đ)		(2b ₁ , 3b) (0,75đ)	2,75đ 27,5%
3	Những hình học cơ bản	Nội dung: Điểm, đường thẳng, tia. Điểm nằm giữa 2 điểm. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	c10,11,12 (0,75đ)	4a (0,5đ)		4b, hình vẽ) (1,0đ)			2,25đ 22,5%
Tổng số câu			12	2	0	4	0	5	23
Tỉ lệ phần trăm			40%		30%		30%		100
Tỉ lệ chung			70%				30%		100

I. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu theo MĐNT		
				NB	TH	VD
1	Phân số	Nội dung 1: Phân số, tính chất cơ bản của phân số, so sánh phân số. Hỗn số. Nội dung 2: Các phép tính về phân số. Hai bài toán về phân số.	Nhận biết: – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. – Nhận biết được số đối của phân số. Thông hiểu: Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. Vận dụng: Tính được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng. -Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về phân số.	I.1 I.6 II.1a	II.1b	1c, 3a, 5
2	Số thập phân	Nội dung: Số thập phân, làm tròn số, so sánh số thập phân. Các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm	Nhận biết: -So sánh được hai số thập phân; -Làm tròn số thập phân. Thông hiểu: - Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân đơn giản. – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm.	I.7,8,9	II.2a, 2b ₂	II.2b ₁ II.3b

3	Những hình hình học cơ bản	Nội dung: Điểm, đường thẳng, tia. Điểm nằm giữa 2 điểm. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	Nhận biết: Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. – Nhận biết được đoạn thẳng, đọc tên đoạn thẳng.; Biết điểm nằm giữa 2 điểm. Thông hiểu: – Hiểu điểm nằm giữa 2 điểm và tính độ dài đoạn thẳng.	I.10 I.12 II.4a	II.4b	
Tổng số câu				13	04	04
Tỉ lệ %				40%	30%	30%
Tỉ lệ chung				70%		30%

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng rồi ghi ra giấy kiểm tra. Ví dụ: 1A, 2B

Câu 1. Cách viết nào sau đây **không** phải là phân số?

- A. $\frac{0}{7}$. **B.** $\frac{2,5}{3}$. C. $\frac{-5}{8}$. D. $\frac{7}{-13}$.

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{5}{9}$ là

- A. $\frac{5}{9}$. B. $\frac{9}{5}$. **C.** $\frac{-5}{9}$. D. $\frac{-5}{-9}$.

Câu 3. Phân số nào sau đây là phân số tối giản ?

- A.** $\frac{-7}{15}$. B. $\frac{-8}{24}$. C. $\frac{15}{-9}$. D. $\frac{5}{20}$.

Câu 4. Viết số đo thời gian 45 phút theo đơn vị giờ, dưới dạng phân số tối giản là

- A. $\frac{45}{60}$. **B.** $\frac{3}{4}$. C. $\frac{15}{20}$. D. $\frac{1}{45}$.

Câu 5. Đổi hỗn số $2\frac{3}{5}$ về dạng phân số ta được

- A. $\frac{10}{5}$. B. $\frac{21}{5}$. C. $\frac{16}{5}$. **D.** $\frac{13}{5}$.

Câu 6. $\frac{5}{6}$ của 1 giờ là bao nhiêu phút?

- A. 56 phút. **B.** 50 phút. C. 12 phút. D. 24 phút.

Câu 7. Làm tròn số 2024,2025 đến hàng chục ta được kết quả là số nào?

- A.** 2020. B. 2024. C. 2020,2025. D. 2024,2025.

Câu 8. Số nhỏ nhất trong các số: -3,2025; -3,2024; -0,2025; -0,2024 là

- A.** -3,2025. B. -3,2024. C. -0,2025. D. -0,2024.

Câu 9. Lớp 6A có 40 học sinh, trong đó có 27 học sinh nữ. Tỷ số của số học sinh nữ so với học sinh cả lớp của lớp 6A là

- A. $\frac{40}{27}$. B. $\frac{13}{40}$. C. $\frac{13}{27}$. **D.** $\frac{27}{40}$.

Câu 10. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định **sai** trong các khẳng định sau đây?



A. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

B. Hai điểm A và B nằm cùng phía đối với điểm C.

C. Điểm B nằm giữa 2 điểm A và C.

D. Hai điểm A và C nằm cùng phía đối với B.

Câu 11. Cho hình vẽ: 

Có bao nhiêu tia trong hình vẽ đã cho ?

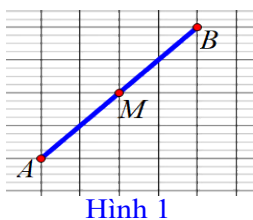
A. 1

B. 2

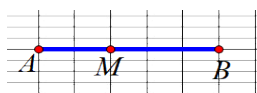
C. 4

D. 3.

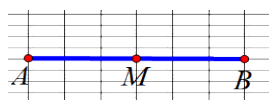
Câu 12. Cho hình vẽ dưới. Hình biểu diễn điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB là



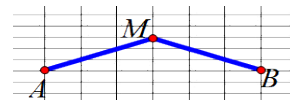
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 3.

B. Hình 1.

C. Hình 1 và hình 3.

D. Hình 3 và hình 4.

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{-7}{8} + \frac{-1}{8}$. b) $\frac{-5}{4} + \frac{5}{6}$. c) $\frac{7}{15} \cdot \frac{-1}{9} + \frac{7}{15} \cdot \frac{-8}{9}$.

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $x - 3,7 = 6,3$. b) $7,5 + 2x = -2,5$.

Bài 3. (1,5 điểm)

Lớp 6A có 36 học sinh xếp loại học lực học kỳ I bao gồm bốn mức: tốt, khá, đạt và chưa đạt. Số học sinh xếp mức tốt chiếm $\frac{1}{6}$ số học sinh cả lớp, số học sinh xếp mức khá chiếm $\frac{1}{4}$ số học sinh cả lớp, số học sinh xếp mức đạt là 17 học sinh.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp?

b) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh xếp mức khá so với số học sinh cả lớp?

Bài 4. (1,5 điểm) Trên tia Ox, lấy điểm A sao cho OA = 2cm, Trên tia đối của tia Ox, lấy điểm B sao cho OB = 3cm.

a/ Vẽ hình và cho biết điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại.

b/ Tính độ dài đoạn thẳng AB.

Bài 5. (0,5 điểm) Tính $A = \frac{5}{1.2} + \frac{5}{2.3} + \frac{5}{3.4} + \dots + \frac{5}{2023.2024} + \frac{5}{2024.2025}$.

----- HẾT -----

IV. ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn : **Toán** – Lớp: 6

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm):

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	B	D	B	A	A	D	D	C	C

-Mỗi 1 câu đúng ghi 0,25đ.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Bài	Nội dung	Điểm
1. (2,0 điểm)	a) $\frac{-7}{8} + \frac{-1}{8} = \frac{(-7)+(-1)}{8} = \frac{-8}{8} = -1.$	0,5
	b) $\frac{-5}{4} + \frac{5}{6} = \frac{-5.3}{4.3} + \frac{5.2}{6.2} = \frac{-15+10}{12} = \frac{-5}{12}.$	0,75
	c) $\frac{7}{15} \cdot \frac{-1}{9} + \frac{7}{15} \cdot \frac{-8}{9} = \frac{7}{15} \cdot \left(\frac{-1}{9} + \frac{-8}{9} \right) = \frac{7}{15} \cdot \frac{-9}{9} = \frac{7}{15} \cdot (-1) = \frac{-7}{15}$	0,75
2. (1,5 điểm)	a) $x - 3,7 = 6,3.$	
	$x = 6,3 + 3,7$	0,5
	$x = 10.$	0,25
	b) $7,5 + 2x = -2,5.$	
	$2x = -2,5 - 7,5$	0,25
	$2x = -10$	0,25
	$x = -10 : 2 = -5.$	0,25
3. (1,5 điểm)	a) Số học sinh lớp 6A xếp mức tốt là: $36 \cdot \frac{1}{6} = 6$ (học sinh).	0,25
	Số học sinh lớp 6A xếp mức khá là: $36 \cdot \frac{1}{4} = 9$ (học sinh).	0,25
	Số học sinh lớp 6A xếp mức chưa đạt là: $36 - (6+9+17) = 4$ (học sinh).	0,5
	b) Tỉ số phần trăm của số học sinh xếp mức khá so với số học sinh cả lớp của lớp 6A là: $\frac{9}{36} \cdot 100\% = 25\%.$	0,5
4. (1,5 điểm)	B. — O. — A. — x	0,5
	a/ Điểm O nằm giữa 2 điểm A và B.	0,5
	b/ Ta có: $AB = OA + OB = 2 + 3 = 5$ cm	0,5

5. <i>(0,5 điểm)</i>	$A = \frac{5}{1.2} + \frac{5}{2.3} + \frac{5}{3.4} + \dots + \frac{5}{2023.2024} + \frac{5}{2024.2025}.$	
	$A = 5 \cdot \left(\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{2023.2024} + \frac{1}{2024.2025} \right)$	0,2
	$A = 5 \cdot \left(\frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \dots + \frac{1}{2023} - \frac{1}{2024} + \frac{1}{2024} - \frac{1}{2025} \right)$	0,2
	$= 5 \cdot \left(1 - \frac{1}{2025} \right) = 5 \cdot \frac{2024}{2025} = \frac{2024}{405}.$	0,1

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM DÀNH CHO HSKT

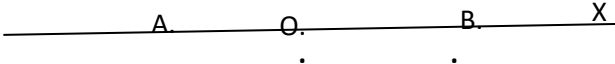
A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm):

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	B	D	B	A	A	D	D	C	C

-Mỗi 1 câu đúng ghi 0,25đ.

B. TỰ LUẬN (7,0 điểm):

Bài	Nội dung		Điểm
1. <i>(2,0 điểm)</i>	a) $\frac{-7}{8} + \frac{-1}{8} = \frac{(-7)+(-1)}{8} = \frac{-8}{8} = -1.$		1,0
	b) $\frac{-5}{4} + \frac{5}{6} = \frac{-5.3}{4.3} + \frac{5.2}{6.2} = \frac{-15+10}{12} = \frac{-5}{12}.$		1,0
2. <i>(2,0 điểm)</i>	a) $x - 3,7 = 6,3.$		b) $7,5 + 2x = -2,5.$
	$x = 6,3 + 3,7$	0,5	$2x = -2,5 - 7,5$
	$x = 10.$	0,5	$2x = -10$
			$x = -10 : 2 = -5.$
3. <i>(1,5 điểm)</i>	a) Số học sinh lớp 6A xếp mức tốt là: $36 \cdot \frac{1}{6} = 6$ (học sinh).		0,5
	Số học sinh lớp 6A xếp mức khá là: $36 \cdot \frac{1}{4} = 9$ (học sinh).		0,5
	Số học sinh lớp 6A xếp mức chưa đạt là: $36 - (6+9+17) = 4$ (học sinh).		0,5

4. (1,5 điểm)		0,5
	a/ Điểm O nằm giữa 2 điểm A và B.	0,5
	b/ Ta có: $AB = OA + OB = 2 + 3 = 5 \text{ cm}$	0,5

(Bài 1c,3b,5 không dành cho HSKT, nếu HSKT làm được vẫn chấm điểm, điểm tối đa toàn bài thi 10,0đ)